

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 1350/2018/HNGĐ-ST Ngày: 27-11-2018 V/v tranh chấp ly hôn	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
--	---

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Quang Cảnh

Ông Kim Thái Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 665/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L C; địa chỉ: Số -- đường A, phường A, quận B, Thành phố H.

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ T; địa chỉ: Số --đường N, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L C trình bày: Bà và Ông Nguyễn Đ T tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/5/2008. Ngay từ khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có sự khác nhau về quan điểm sống, vợ

chồng không có sự chia sẻ; tính cách ông T rất gia trưởng, mọi chuyện lớn nhỏ trong gia đình đều do ông T quyết định không biết lắng nghe ý kiến của bà. ông T còn có hành vi bạo hành gia đình, mỗi lần nóng giận thì ông T hay đánh bà; bản thân bà cũng có chồng trả lại nên xảy ra xô xát với nhau. Không những thế, ông T còn không cho bà tự do đi lại, gặp gỡ bạn bè, ghen tuông vô cớ. Nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết được nên bà đã nộp đơn xin ly hôn lần thứ nhất vào năm 2010 và lần thứ hai năm 2015 nhưng rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, mâu thuẫn trong gia đình vẫn tiếp tục diễn ra và ngày càng trầm trọng. Đến ngày 24/5/2018 thì bà dọn về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ đó đến nay. Sau đó, ông T có cố gắng níu kéo nhưng bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T 03 con chung là Nguyễn Đ C T, sinh ngày --/--/2010, Nguyễn Đ C T1, sinh ngày --/--/2012 và Nguyễn N C T, sinh ngày --/--/2013. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi trẻ C T, ông T nuôi hai trẻ là T và T1. Việc cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thu nhập hiện nay của bà khoảng 6.500.0000 đồng một tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Ông Nguyễn Đ T trình bày: Ông xác nhận việc kết hôn đúng như bà C trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi sinh con lần đầu. Nguyên nhân là vì bà C muốn về nhà ba mẹ ruột, còn ông muốn ra ở riêng. Mâu thuẫn gia đình thường xuất phát từ những việc vặt vãnh trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông xác nhận có đập phá đồ đạc, có đánh bà C trong lúc nóng giận; lần gần nhất có gây thương tích nhẹ cho bà C khoảng tháng 5/2018. Sau đó, bà C đã dọn ra ở riêng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, ông vẫn thương yêu vợ con và mong muốn hàn gắn gia đình, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà C có 03 con chung là Nguyễn Đ C T, sinh ngày --/--/2010, Nguyễn Đ C T1, sinh ngày --/--/2012 và Nguyễn N C T, sinh ngày --/--/2013. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu giao hết ba con chung cho một người trực tiếp nuôi, không chia tách các con, không cấp dưỡng cho con. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi ba con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng. Thu nhập của ông khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng từ công việc giao nhận hàng. Ông đảm bảo được việc chăm sóc cho ba con vì ông đang ở gần người thân, họ hàng nên có thể hỗ trợ chăm sóc các con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/11/2018, trẻ Nguyễn Đ C T có nguyện vọng ở với ông T.

Tại phiên tòa:

- Bà C trình bày: Bà giữ yêu cầu ly hôn. Về con chung: Bà đã dẫn theo con về nhà cha mẹ ruột từ tháng 5/2018. Tuy nhiên, vì ông T gây khó khăn, không giao sổ hộ khẩu để đăng ký nhập học cho các con nên đã giao lại các con cho ông T nuôi từ tháng 10 năm 2018 để lo việc học hành. Đối với yêu cầu nuôi được trực tiếp nuôi 03 con của ông T thì bà đồng ý, việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông T trình bày: ông T không đồng ý ly hôn. Về điều kiện nuôi con, ông có thu nhập thực tế khoảng 10 triệu đồng/tháng nhưng do làm ăn bên ngoài nên không có tài liệu chứng minh thu nhập. Đồng thời ông đang có chỗ ở ổn định, hiện đang sống cùng các con tại nhà cha mẹ ruột. Ngoài ra, từ khi cưới đến nay gia đình ông cũng thường xuyên gửi tiền để phụ ông nuôi dưỡng các con. Ông đã tự nuôi dưỡng, chăm sóc, lo các con đi học từ tháng 10 năm 2018 mà không cần có sự trợ giúp của bà C. Do đó, ông có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cả ba con mà không có yêu cầu cấp dưỡng.

- Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C thì bà C và ông T thỏa thuận: Giao 03 con chung cho ông T trực tiếp nuôi, ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc cho ly hôn, ông T có quyền nuôi ba con chung, hoãn cấp dưỡng nuôi con cho bà C vì ông T không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị L C khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Đ T; bị đơn là ông T đang cư trú tại quận Tân Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà C vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn, hai bên không thỏa thuận được

với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 68/KH, Quyền số 01/2008 đăng ký ngày 02/5/2008 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn: bà C khởi kiện yêu cầu được ly hôn nhưng ông T không đồng ý ly hôn. Căn cứ vào lời khai của bà C, ông T, Quyết định đình chỉ vụ án Số 425/2010/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2010 của Tòa án nhân dân Quận 12 và Quyết định số 127/2015/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2015 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng bà C và ông T bất đồng về quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn từ lâu nhưng không giải quyết được. Cả hai đã có thời gian dài để hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không đạt được. ông T không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình. Mặt khác, ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018, giữa hai người đã không còn đời sống chung của vợ chồng và không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Kết quả xác minh mâu thuẫn gia đình ngày 22/10/2018 của Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Quý, quận Tân Phú là phù hợp một phần với lời khai của bà C và ông T về mâu thuẫn gia đình.

[5] Từ những lý do vừa nêu, xét thấy tình trạng hôn nhân của bà C và ông T đã trầm trọng, xảy ra hành vi bạo lực gia đình, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Bà C và ông T xác định có 03 con chung là Nguyễn Đ C T, sinh ngày --/--/2010, Nguyễn Đ C T1, sinh ngày --/--/2012 và Nguyễn N C T, sinh ngày --/--/2013. Tại phiên tòa, ông T và bà C thỏa thuận giao 03 con cho ông T trực tiếp nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy ông T có điều kiện về thu nhập, nơi ở, thời gian chăm sóc con; từ tháng 10 năm 2018 đến nay, ông T đã chăm sóc, giáo dục tốt cho các con chung. Do đó, thỏa thuận giao 03 con cho ông T trực tiếp nuôi là có cơ sở được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình. Ông T không có yêu cầu cấp dưỡng mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con chung.

[7] Về tài sản chung: Bà C và ông T xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do nguyên đơn là bà C chịu.

[9] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L C được ly hôn với ông Nguyễn Đ T.

2. Về con chung: Bà C và ông T có 03 con chung là Nguyễn Đ C T, sinh ngày --/--/2010, Nguyễn Đ C T1, sinh ngày --/--/2012 và Nguyễn N C T, sinh ngày --/--/2013. Sau khi ly hôn, ông T là người trực tiếp nuôi 03 con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con chung.

Bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà C và ông T xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà C chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011339 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. bà C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà C, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: • TAND TP.HCM; • VKSND Q.Tân Phú; • THADS Q.Tân Phú; • UBND P. A, Q. B; • Đương sự; • Lưu: VT, hồ sơ vụ án.	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA (đã ký tên và đóng dấu) Đỗ Thế Đông
--	--